

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 378/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-3-2022

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Định

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Ngọc.

2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

*- T ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi không tham gia phiên tòa.*

Trong ngày 25 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 235/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 về: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kim S, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 257, khu phố 1, tổ 9, Phường C, Thị xã B, Tỉnh B. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

*2. Bị đơn:* Ông Trần Phước T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 26 đường 233, tổ 2, ấp 2, xã H, huyện C, Thành phố H. (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Tại đơn xin ly hôn ngày 26 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Bà Lê Thị Kim S trình bày:*

Bà và ông Trần Phước T tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Hòa

Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24/2017, ngày 09 tháng 03 năm 2017.

Sau khi kết hôn vợ chồng bà sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do sống không hợp nhau nên vợ chồng bà Tòng gây gổ, cãi vã nhau, tuy sống chung nhà nhưng không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm, hiện vợ chồng bà không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương, tạo điều kiện cho nhau nữa. Nay bà nhận thấy cuộc hôn nhân không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không hòa giải được. Mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Trần Lê Minh T, sinh ngày 31/03/2017, sau ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Trần Lê Minh T. Bà tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà xác định bà và ông T không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định bà và ông T không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Trần Phước T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự đến tòa nhưng ông T vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến của ông đối với vụ kiện.

Tại phiên tòa, bà S và ông T vắng mặt nên không thể hiện ý kiến gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà Lê Thị Kim S đối với ông Trần Phước T là trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bị đơn ông Trần Phước T hiện cư trú tại huyện C, Thành phố H nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với nguyên đơn bà Lê Thị Kim S, có đơn xin xét xử vắng mặt, hồ sơ cũng thể hiện đầy đủ các tài liệu chứng cứ, do đó việc vắng mặt bà S không ảnh hưởng đến việc xét xử. Vì vậy, căn cứ theo Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà S là đúng quy định.

Đối với bị đơn ông Trần Phước T, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên

tòa, giấy triệu tập đương sự đến tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông T vẫn không đến tòa tham gia giải quyết vụ kiện. Vì vậy, căn cứ theo Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T là đúng quy định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy bà Lê Thị Kim S và ông Trần Phước T có tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Phú, huyện Củ Chi theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24/2017, ngày 09 tháng 03 năm 2017 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Bà S xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do sống không hợp nhau nên vợ chồng bà Tồng gây gỗ, cãi vã nhau, tuy sống chung nhà nhưng không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm, hiện vợ chồng bà không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương, tạo điều kiện cho nhau nữa. Nay bà nhận thấy cuộc hôn nhân không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không hòa giải được, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Tòa án cũng đã triệu tập bà S và ông T đến Tòa án tiến hành hòa giải để các bên có điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên ông T không đến tòa, không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà S, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn xảy ra. Mặc khác bà S xác định bà không còn tình cảm với ông T, bà không muốn tiếp tục cuộc hôn nhân với ông T. Hiện tại hai vợ chồng bà không còn quan tâm, chăm sóc, tạo điều kiện cho nhau thực quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau nữa nên bà vẫn kiên quyết ly hôn với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà S và ông T đã phát sinh trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S với ông T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Bà S và ông T có 01 con chung tên Trần Lê Minh T, sinh ngày 31/03/2017, sau ly hôn bà S yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Trần Lê Minh T. Bà tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Do ông T không đến tòa nên không thể hiện ý kiến của ông về con chung, vì lợi ích mọi mặt của cháu T và nguyện vọng của bà S muốn nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu T cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, vì bà S tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Bà S xác định bà và ông T không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết. Do ông T vắng mặt nên không thể hiện ý kiến của ông về tài sản chung, sau này nếu ông T có tranh chấp về tài sản chung sẽ

khởi kiện vụ tranh chấp khác. Hội đồng xét xử xét thấy không xem xét giải quyết trong vụ kiện này là phù hợp.

[6]. Về nợ chung: Bà S xác định không có nợ chung, do ông T vắng mặt nên không thể hiện ý kiến về nợ chung. Sau này nếu các bên có tranh chấp sẽ khởi kiện vụ tranh chấp khác. Hội đồng xét xử xét thấy không xem xét giải quyết trong vụ kiện này là phù hợp.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: bà S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; là phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa Lê Thị Kim S và ông Trần Phước T.

2. Về con chung: Giao bà Lê Thị Kim S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Trần Lê Minh T, Ghi nhận sự tự nguyện của bà S không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà S có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung: Bà S xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết. Do ông T vắng mặt nên không thể hiện ý kiến của ông về tài sản chung, sau này nếu ông T có tranh chấp về tài sản chung sẽ khởi kiện vụ tranh chấp khác.

4. Về nợ chung: Bà S xác định không có nợ chung. Do ông T vắng mặt nên không thể hiện ý kiến của ông về nợ chung, sau này nếu ông T có tranh chấp về nợ chung sẽ khởi kiện vụ tranh chấp khác. nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà S phải chịu, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) theo biên lai số 0085792 ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà S đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND TPHCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã Hòa Phú, huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Quang Định**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỦ CHI  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

## **BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi giờ ngày 25 tháng 03 năm 2022, tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Định
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Phước Trinh.  
2. Bà Phạm Thị Ngọc.

Đã nghị án vụ kiện về hôn nhân và gia đình xin ly hôn thụ lý số 235/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 03 năm 2021 về việc “Ly hôn”.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc hỏi tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định những vấn đề sau:

Hội đồng xét xử đã thống nhất quyết định:

1. Về điều luật áp dụng:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Kết quả biểu quyết: 3/3.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa Lê Thị Kim S và ông Trần Phước T.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về con chung: Giao bà Lê Thị Kim S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng Minh Anh, Ghi nhận sự tự nguyện của bà S không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà S có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng con chung.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về tài sản chung: Bà S xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết. Do ông T vắng mặt nên không thể hiện ý kiến của ông về tài sản chung, sau này nếu ông T có tranh chấp về tài sản chung sẽ khởi kiện vụ tranh chấp khác.

4. Về nợ chung: Bà S xác định không có nợ chung. Do ông T vắng mặt nên không thể hiện ý kiến của ông về nợ chung, sau này nếu ông T có tranh chấp về nợ chung sẽ khởi kiện vụ tranh chấp khác. nên Hội đồng xét xử không xét. Bà Tiền xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà S phải chịu, được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) theo biên lai số 0085792 ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà S đã nộp đủ án phí.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào lúc      giờ      ngày 25/03/2022, Hội đồng xét xử đã đọc lại biên bản và công nhận đúng nội dung đã quyết định.

**CÁC HỘI THẨM**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quang Định**

